

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **100/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 20-8-2024
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**

Ông Nguyễn Chung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 372/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường D, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; bà H có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn:* Ông Bùi Văn A, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường Ninh D, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; ông A có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:* Bà Đặng Thị H và ông Bùi Văn A tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là phường D, thị xã Ninh Hòa) tỉnh Khánh Hòa vào năm 1991. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bởi tính tình không hợp lẫn trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay, vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau nhưng vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà Đặng Thị H và ông Bùi Văn A có tất cả 02 con chung tên là Bùi Văn T, sinh ngày 24/4/1994 và Bùi Thị K, sinh ngày 18/8/1997. Con chung đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đặng Thị H và ông Bùi Văn A tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đặng Thị H xác nhận không có nợ chung của ai.

** Tại bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn A trình bày: Ông Bùi Văn A hoàn toàn thống nhất với ý kiến của bà H về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có một số mâu thuẫn xảy ra nhưng không đáng kể, ông A vẫn còn tình cảm với bà H nên ông không đồng ý ly hôn.*

Về con chung: Vợ chồng có tất cả hai người con chung tên là Bùi Văn T, sinh ngày 24/4/1994 và Bùi Thị K, sinh ngày 18/8/1997. Con chung đã đủ tuổi thành niên nên ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Bùi Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Bùi Văn A xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị H** được ly hôn với **ông Bùi Văn A**.

- Về con chung: Bà **Đặng Thị H** và ông **Bùi Văn A** có tất cả hai người con chung tên là Bùi Văn T, sinh ngày 24/4/1994 và Bùi Thị K, sinh ngày 18/8/1997 đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà **Đặng Thị H** và ông **Bùi Văn A** không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà **Đặng Thị H** và ông **Bùi Văn A** đều xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà **Đặng Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn **ông Bùi Văn A** đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P, phường D. Do vậy, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207 và Điều

273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà **Đặng Thị H** yêu cầu được ly hôn với **ông Bùi Văn A** nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà **Đặng Thị H** và **ông Bùi Văn A** tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là phường D, thị xã Ninh Hòa), tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 04/3/1992. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà **Đặng Thị H** và **ông Bùi Văn A** là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà **H** là phù hợp. Xét yêu cầu vợ chồng đoàn tụ của ông **Bùi Văn A**, nhận thấy: giữa bà **H** và ông **A** không còn ai quan tâm đến ai đã hơn ba năm nay. Tại phiên tòa, ông **A** không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác nên không đủ cơ sở để xem xét yêu cầu đoàn tụ của bị đơn. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **H** theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà **Đặng Thị H** và **ông Bùi Văn A** có tất cả hai người con chung tên là **Bùi Văn T**, sinh ngày 24/4/1994 và **Bùi Thị K**, sinh ngày 18/8/1997 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà **Đặng Thị H** và **ông Bùi Văn A** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà **Đặng Thị H** và **ông Bùi Văn A** cùng xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà **Đặng Thị H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H được ly hôn **ông** Bùi Văn A.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí ký hiệu BLTU/23 số 0005907 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Đặng Thị H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND p. D theo Giấy CNKH số 08, ngày 04/3/1991;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thùy My